

Trưởng phòng

Trần Thăng Long

longtt@bsc.com.vn

Nhóm Vĩ mô & Thị trường

Bùi Nguyên Khoa

khoabn@bsc.com.vn

Lê Quốc Trung

trunglq@bsc.com.vn

Đặng Hà My

myhd@bsc.com.vn

Tô Quang Vinh

vinhtq@bsc.com.vn

Thứ sáu, ngày 30 tháng 8 năm 2019

Vietnam Daily Review

Tâm lí lạc quan

Dự đoán xu hướng thị trường

	Tiêu cực	Trung lập	Tích cực
Ngày 3/9/2019		•	
Tuần 2/9-6/9/2019		•	
Tháng 9/2019		•	

Nhận định:

Thị trường cơ sở: Ngay từ đầu phiên sáng, VN-Index đã có diễn biến tích cực nhờ lực mua tập trung vào bộ đôi nhà Vin là VHM, VIC cũng như các bluechips ngành Ngân hàng như VCB, BID. Đến phiên chiều, chỉ số vẫn duy trì được đà tăng nhờ các mã VHM, VCB, VIC nói rộng biên độ tăng. Thị trường có phiên giao dịch khả quan theo xu hướng chung trong khu vực cùng với thanh khoản tăng nhẹ. Động lực tăng điểm của thị trường chủ yếu đến từ phát ngôn của Bộ Thương mại Trung Quốc cho biết sẵn sàng đàm phán với Mỹ với thái độ bình tĩnh, qua đó phần nào giải tỏa tâm lí nhà đầu tư trước áp lực của cuộc chiến tranh thương mại.

Hợp đồng tương lai: Các HĐTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 878 điểm cho hợp đồng ngắn hạn và ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho hợp đồng trung hạn.

Chứng quyền: Trong phiên giao dịch ngày 30/08/2019, thị trường chứng quyền có sự phân hóa về giá. Phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch giảm. MWG đang tích lũy quanh vùng giá 113-117 sau khi tạo đỉnh tại ngưỡng giá 120. Thanh khoản cũng đang có xu hướng giảm báo hiệu khả năng điều chỉnh giảm trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng nhóm chứng quyền của cổ phiếu này sẽ có áp lực giảm giá trong những phiên tới.

Danh mục i-Invest: Theme Xây dựng & Vật liệu XD +1.3%. Danh mục **Xây dựng & Vật liệu XD** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày này tương ứng **1.3%**, con số này của **VNINDEX** là **0.6%**. Đặc biệt, hôm nay có 14/14 danh mục Chủ đề có hiệu suất khả quan. Trong bối cảnh VNINDEX đi ngang, danh mục Mục tiêu và Khẩu vị Rủi ro thể hiện rõ tính chất an toàn.

Phân tích kỹ thuật: CTR_Điều chỉnh giảm (Trang 3)

Điểm nhấn

- VN-Index **+5.47 điểm**, đóng cửa 984.06. HNX-Index **+0.38 điểm**, đóng cửa 102.32.
- Kéo chỉ số tăng: **VIC (+0.99); VHM (+0.99); VCB (+0.99); BID (+0.87); MWG (+0.25).**
- Kéo chỉ số giảm: **MBB (-0.15); HNG (-0.09); VPB (-0.07); EIB (-0.07); HDB (-0.07).**
- Giá trị khớp lệnh của VN-Index đạt **2,609.82 tỷ đồng**, **+4.65%** so với phiên hôm trước.
- Biên độ dao động là 4.62 điểm. Thị trường có 189 mã tăng và 131 mã giảm.
- Giá trị mua ròng của khối ngoại: **31.71 tỷ đồng** trên sàn HOSE, gồm VNM (22.90 tỷ), VHM (11.37 tỷ) và NVL (9.47 tỷ). Khối ngoại mua ròng trên sàn HNX với giá trị **0.46 tỷ đồng**.

VN-INDEX

984.06

Giá trị: 2609.82 tỷ

5.47 (0.56%)

Khối ngoại (ròng): 31.71 tỷ

HNX-INDEX

102.32

Giá trị: 265.67 tỷ

0.38 (0.37%)

Khối ngoại (ròng): 0.46 tỷ

UPCOM-INDEX

57.83

Giá trị: 370.71 tỷ

-0.07 (-0.12%)

Khối ngoại(ròng): 19.23 tỷ

Thông số vĩ mô

	Giá trị	%
Giá dầu	56.3	-0.74%
Giá vàng	1,526	-0.09%
Tỷ giá USD/VND	23,196	-0.02%
Tỷ giá EUR/VND	25,726	-0.03%
Tỷ giá JPY/VND	21,799	0.08%
LS liên NH 1 tháng	4.1%	7.24%
LS TPCP 5 năm	3.3%	-1.52%

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Top giao dịch khối ngoại (tỷ đồng)

Top mua	Giá trị	Top bán	Giá trị
VNM	22.9	VRE	36.8
VHM	11.4	TCD	7.8
NVL	9.5	VHC	6.8
VIC	8.1	HDB	6.1
KDH	6.2	HDC	5.9

Nguồn: BSC Research

Mục lục

Tổng quan thị trường	Trang 1
i-INVEST	Trang 2
Tín hiệu cổ phiếu	Trang 3
Tín hiệu hàng hóa	Trang 4
Câu chuyện cuối tuần	Trang 5
Thị trường phái sinh	Trang 6
Cổ phiếu lớn	Trang 7
Thống kê thị trường	Trang 8
Báo cáo mới nhất	Trang 9
iBroker	Trang 10
Khuyến cáo sử dụng	Trang 11



Sử dụng i-Invest tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video giới thiệu danh mục Chủ đề

[Link](#)
[Link](#)

* Danh mục **Xây dựng & Vật liệu XD** - gồm các công ty có năng lực sản xuất tốt và tiềm năng tăng trưởng dài hạn khả quan - hôm nay có mức hiệu suất ngày ấn tượng **1.3%**, con số này của **VNINDEX** là **0.6%**. Đặc biệt, hôm nay có **14/14 danh mục** Chủ đề có hiệu suất **khả quan**.

* Trong bối cảnh **VNINDEX** đi ngang, danh mục **Mục tiêu** và **Khẩu vị Rủi ro** thể hiện rõ tính chất an toàn:
- **18/18 danh mục** Mục tiêu có mức hiệu suất ngày **khả quan**
- **7/7 danh mục** Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày **khả quan**

Cập nhật hiệu suất danh mục i-Invest

Danh mục đáng chú ý trong ngày: Theme **Xây dựng & Vật liệu XD 1.3%**

Danh mục	Hiệu suất danh mục						
	1 ngày	1 tuần	1 tháng	3 tháng	6 tháng	1 năm	3 năm
Chủ đề	Bảng bao gồm hiệu suất của tất cả các danh mục Chủ đề						
Xây dựng & Vật liệu XD	1.3%	-2.6%	-1.4%	-3.3%	-5.0%	-9.5%	-4.0%
Vật liệu Xây dựng	1.2%	-2.7%	0.7%	0.9%	-0.5%	4.3%	10.5%
Chiến tranh thương mại	1.1%	-0.4%	2.8%	-1.0%	-1.8%	9.5%	11.9%
Hàng tiêu dùng	1.0%	-1.1%	3.2%	7.0%	5.1%	6.5%	62.5%
Dầu khí	1.0%	-1.4%	-4.0%	-2.4%	5.0%	-0.6%	12.7%
Xây dựng	0.8%	0.2%	0.4%	-4.1%	-9.9%	-14.6%	28.8%
Nước & Năng lượng	0.7%	-0.7%	-0.6%	-1.8%	-0.3%	10.7%	60.1%
MSCI frontier 100 Việt Nam	0.6%	-1.0%	-1.2%	0.5%	-2.5%	1.1%	86.4%
BDS & Khu công nghiệp	0.4%	1.0%	3.1%	5.4%	3.3%	5.7%	61.3%
Ngân hàng	0.4%	-0.2%	2.9%	9.0%	5.1%	-3.8%	72.1%
Cổ phiếu hết room ngoại	0.4%	-0.5%	4.6%	9.1%	5.4%	1.3%	75.2%
Top 10 cổ phiếu VN30	0.3%	-0.3%	3.9%	5.5%	2.6%	1.2%	74.6%
Cổ tức cao - Thanh khoản tốt	0.3%	-2.0%	-0.4%	-1.2%	3.8%	16.9%	53.7%
Bảo hiểm & Chứng khoán	0.2%	-4.6%	-5.2%	-6.9%	-11.7%	-12.9%	41.5%

Mục tiêu	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 13	1.6%	-0.5%	2.2%	1.7%	-1.9%	1.6%	25.3%
Danh mục 4	1.5%	-0.9%	1.1%	2.6%	-2.8%	-7.6%	20.2%
Danh mục 10	1.5%	2.1%	5.9%	9.9%	8.0%	4.2%	57.9%
Danh mục 5	0.4%	-0.9%	2.2%	4.2%	2.7%	0.8%	81.9%
Danh mục 11	0.3%	-1.4%	-1.0%	-2.1%	-5.4%	-2.6%	88.4%
* Note	Hôm nay có 18/18 danh mục Mục tiêu có mức hiệu suất ngày khả quan						

Khẩu vị Rủi ro	Bảng bao gồm 3 danh mục có hiệu suất ngày cao nhất và 2 danh mục có hiệu suất ngày thấp nhất.						
Danh mục 24	1.7%	-0.3%	2.2%	8.4%	8.1%	2.4%	62.0%
Danh mục 21	1.4%	-1.4%	2.5%	5.2%	5.1%	0.4%	44.9%
Danh mục 22	1.3%	1.0%	5.6%	12.0%	9.3%	1.2%	67.2%
Danh mục 23	0.7%	-1.2%	2.3%	2.0%	0.2%	10.3%	129.7%
Danh mục 19	0.7%	-0.5%	3.4%	7.1%	7.5%	8.4%	52.6%
* Note	Hôm nay có 7/7 danh mục Khẩu vị Rủi ro có mức hiệu suất ngày khả quan						

INDEX							
VNINDEX	0.6%	-0.8%	-0.8%	2.5%	0.5%	-1.4%	46.3%
VN30INDEX	0.4%	-0.9%	1.7%	1.9%	-2.5%	-7.5%	36.0%

*Để xem chi tiết danh mục xin vui lòng đăng nhập vào BSC i-Invest theo đường link:

*Hiệu suất danh mục sử dụng dữ liệu lịch sử có thể không phản ánh tương lai.

<https://invest.bsc.com.vn/#/login>

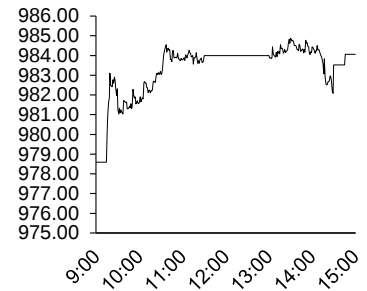
BSC RESEARCH

8/30/2019

Vietnam Daily Review

Hình 1

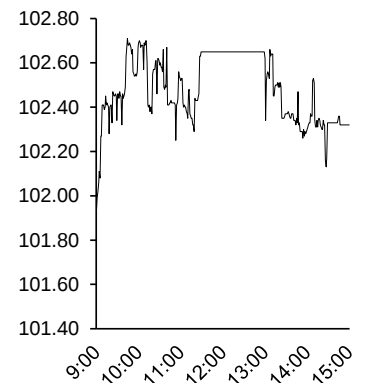
HSX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 2

HNX-Index Intraday



Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 1

Vận động ngành trong ngày

Ngành	±%
Bán lẻ	1.5%
Truyền thông	1.5%
Dịch vụ tài chính	1.3%
Hàng & Dịch vụ Công nghiệp	1.2%
Ô tô và phụ tùng	1.1%
Dầu khí	0.9%
Ngân hàng	0.8%
Bất động sản	0.7%
Công nghệ Thông tin	0.6%
Y tế	0.6%
Hàng cá nhân & Gia dụng	0.6%
Tài nguyên Cơ bản	0.6%
Điện, nước & xăng dầu khí đốt	0.3%
Du lịch và Giải trí	0.2%
Thực phẩm và đồ uống	0.1%
Xây dựng và Vật liệu	0.0%
Hóa chất	0.0%
Bảo hiểm	-0.2%

Nguồn: FiinPro

Phân tích kỹ thuật

CTR_Điều chỉnh giảm

Điểm nhấn kỹ thuật:

- Xu hướng hiện tại: tăng giá.
- Chỉ báo xu hướng MACD: histogram âm.
- Chỉ báo RSI: giảm dần và rời khỏi vùng quá mua.
- Đường MA: EMA12 vẫn đang ở trên EMA26.

Nhận định: Cổ phiếu CTR đang có tín hiệu điều chỉnh giảm sau khi đã tăng giá kéo dài từ đầu năm cho đến nay với xuất phát điểm là nền giá 20. Thanh khoản cổ phiếu vẫn duy trì ổn định nhưng có chiều hướng giảm trong thời gian gần đây. Hơn nữa, cho dù EMA12 vẫn nằm trên EMA26 nhưng chỉ báo MACD và RSI đang khá tiêu cực, ủng hộ cho trạng thái giảm giá ngắn hạn của cổ phiếu. Dự kiến trong những phiên tới, CTR sẽ tiến về khu vực 52 – 58 và có thể tích lũy tại vùng này trước khi bắt đầu một xu hướng mới.



Nguồn: BSC, PTKT Iboard

Phân tích cơ bản về cổ phiếu

Dự báo KQKD: Kế hoạch kinh doanh 2019 dự kiến DT và LNST lần lượt đạt 5,000 tỷ (+15.9% YoY) và 158 tỷ (+7.7% YoY). Trong đó, khoảng 65% DT từ dịch vụ khai thác và ứng cứu thông tin là 3,200 tỷ (+23.9% YoY), chiếm 65% DTT. DT hoạt động xây lắp khoảng 1,200 – 1,300 tỷ (+0% YoY) (bao gồm xây lắp trong nước và nước ngoài). DT hai dịch vụ mới: hạ tầng cho thuê khoảng 100 tỷ; giải pháp doanh nghiệp và hộ gia đình khoảng 92 tỷ. Cơ cấu LN: 50% từ dịch vụ khai thác và ứng cứu thông tin, 50% từ dịch vụ xây lắp.

Kết quả kinh doanh ước tính Q1.2019: DT và LN lần lượt đạt 1,100 tỷ (+14.1% YoY) và LN 46 tỷ. Dự kiến khối lượng đầu tư 2019 200 – 300 trạm BTS macro, 1,500 smallcell, 3 – 5 triệu m2 DAS, hạ tầng ngầm 30km.

Cập nhật KQKD: Kết quả kinh doanh 2018 DT và LNST lần lượt đạt 4,313 tỷ (+29% YoY) và 147 tỷ (+25% YoY). Trong đó, DT khai thác và ứng cứu thông tin đạt 2,582 tỷ (+49.4% YoY) chiếm 59.8% cơ cấu DT. DT xây lắp công trình đạt 1,247 tỷ (-1.7% YoY) chiếm 28.9% cơ cấu DT. DT bán hàng liên quan đến tập đoàn Viettel là 3,768 tỷ (+45.5%), chiếm 87% cơ cấu DT.

Hoạt động xây lắp ở Myanmar đang ở trong giai đoạn thử nghiệm, nên công ty chưa xác định doanh thu và lợi nhuận. Hiện tại, các thủ tục đầu tư rất nhiều khó khăn. Mỗi vùng có một luật lệ riêng, nên xin giấy phép đầu tư cực kỳ khó. Nếu chủ đầu tư không xin được giấy phép, thì CTR cũng không được phép xây dựng. Do đó, nhiều nhà mạng chuyển sang thuê hạ tầng đầu tư. Tuy nhiên, hạ tầng đầu tư của CTR còn ít, chưa thể trở thành khách hàng quan trọng của nhà mạng.

Chiến lược phát triển Lĩnh vực xây lắp dự kiến vẫn sẽ đi ngang do nhu cầu của các nhà mạng hiện tại không nhiều. Tuy nhiên, với làn sóng 4.0 sẽ tăng nhu cầu đổi mới công nghệ và nâng cấp hạ tầng, đây sẽ là cơ hội cho CTR. TCT cũng đề cập đến việc đang trình lên Chính phủ: thay vì mỗi nhà mạng sở hữu một hạ tầng viễn thông riêng, thì thành lập 1 công ty quản lý hạ tầng viễn thông của tất cả các nhà mạng và mỗi nhà mạng sẽ sở hữu cổ phần tại công ty này.

Chi tiết tham khảo BSC i-BROKER: Express CTR 2019Q2

Cập nhật giá cả hàng hóa ngày 30/08/2019

*Mặt hàng	ĐVT	Sáng 30/08	% Ngày	% Tuần	% Tháng	% Năm	Liên quan đầu ra	Liên quan đầu vào
Dầu WTI	USD/barrel	56.59	1.42%	2.25%	-2.51%	-19.07%	GAS, BSR	PVD, PVT
Dầu Brent	USD/barrel	60.94	0.73%	1.71%	-5.83%	-21.27%	GAS, BSR	PVD, PVT
Xăng	USD/gallon	1.68	-0.05%	0.87%	-11.32%	-21.42%	PLX, OIL	HVN, VJC
Vàng	USD/ounce	1527.56	-0.72%	1.94%	6.79%	27.29%	PNJ	PNJ
Bạc	USD/ounce	18.26	-0.46%	7.36%	10.18%	25.28%	PNJ	PNJ
Đậu tương	UScent/bushel	856.14	0.41%	0.02%	-2.57%	4.60%	HKB	DBC, QNS
Lúa mì	UScent/bushel	470.68	-0.48%	0.73%	-5.34%	-7.35%		AFX
Sữa	USD /cwt	17.60	0.00%	0.17%	0.57%	7.45%	VNM, GTN	KDC
Cao su	JPY/kg	155.30	-0.64%	-5.88%	-31.16%	-3.06%	DPR, PHR	SRC, CSM
Đường	US cent/lb	11.20	-1.50%	-3.20%	-7.74%	6.05%	SBT, LSS	VNM, GTN
Chè	USD/kg	3.36	5.66%	22.18%	17.07%	2.75%	GTN, DLG	DLG
Cà phê	UScent/lb	91.60	-2.76%	-1.71%	-7.64%	-7.12%	CTP, DLG	VCF, CTP
Đồng	USD/lb	2.56	0.39%	0.11%	-4.28%	-4.37%	MSN, ACM	CAV, SAM
Thép	CNY/ton	3604.00	-1.12%	-3.87%	-11.45%	-24.87%	HSG, HPG	PC1, CTD
Nhôm	USD/ton	1746.00	-0.85%	-1.86%	-3.59%	-18.11%		CAV, SAM
Quặng sắt	USD/ton	85.50	-1.16%	-1.72%	-27.54%	28.57%	HSG, HPG	HSG, HPG
Than đá	USD/ton	65.45	0.54%	-2.68%	-12.15%	-40.58%	HLC, NBC	HT1, BCC

Nguồn: BSC tổng hợp

Thông tin nổi bật

Giá dầu

- Dầu thô Brent kỳ hạn tháng 10/2019 đóng cửa ngày 29/08 tăng 0.59 USD tương đương 0.98% lên 61.08 USD/thùng. Dầu thô Tây Texas WTI kỳ hạn tháng 09/2019 tăng 0.93 USD, tương đương 1.7%, lên 56.71 USD/thùng.
- Giá dầu thô Mỹ tăng 1.7% trong phiên vừa qua do lượng tồn trữ giảm sâu và lo ngại cơn bão Dorian đang tiến đến Florida có thể gây ảnh hưởng tới các cơ sở sản xuất dầu thô ngoài khơi của Mỹ (nếu bão đi qua Vịnh Mexico vào cuối tuần này), giữa bối cảnh nhu cầu dầu tăng lên khi hai đường ống mới ở Tây Texas bắt đầu đi vào hoạt động. Trong khi đó, dầu Brent – tham chiếu trên toàn cầu – vượt ngưỡng 61 USD/thùng bởi nỗi lo về tăng trưởng kinh tế đang dịu lại.
- Trong khi đó, những lo ngại về việc kinh tế thế giới sẽ chậm lại đang mờ dần, nhất là sau khi Bộ Thương mại Trung Quốc hôm 29/8/2019 cho biết Trung Quốc và Mỹ đang thảo luận về vòng đàm phán thương mại trực tiếp, dự kiến sẽ diễn ra vào tháng 9/2019, và hy vọng sẽ có nhiều tiến bộ. Truyền thông đang đưa tin Trung Quốc sẽ không sớm có bất cứ động thái trả đũa nào đối với thuế quan mới của Mỹ, và điều này đem lại hy vọng cuộc thương chiến giữa 2 bên sẽ không xấu đi.

Giá vàng

- Vàng giao ngay giảm 0.8% xuống 1,526.62 USD/ounce. Vàng kỳ hạn tháng 9/2019 và tháng 10/2019 giảm lần lượt từ 1,538.8 USD/ounce và 1,542.8 USD/ounce xuống 1,526.5 USD và 1,530.5 USD/ounce, trong khi kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 0.8% xuống 1,536.9 USD/ounce.
- Giá vàng giảm trong phiên vừa qua giữa bối cảnh USD và chứng khoán tăng điểm sau một số thông tin cho thấy Mỹ và Trung Quốc đang có thiện chí giảm bớt căng thẳng. Tuy nhiên, hiện vàng vẫn đang ở quanh mức cao gần nhất trong vòng nhiều năm, bởi lo lắng về triển vọng tăng trưởng kinh tế thế giới. Bạc cũng giảm theo xu hướng giá vàng, sau khi đạt mức cao nhất hơn 2 năm.

Giá thép

- Thép cây kỳ hạn tháng 1/2020 trên sàn Thương Hải giảm 0.6% xuống 3,266 CNY (460.47 USD)/tấn, thấp nhất kể từ 2/4/2019. Trái lại, thép cuộn cán nóng hồi phục và tăng 0.2% vào cuối phiên, đạt 3,563 CNY/tấn. Giá thép cây trên thị trường Trung Quốc tăng vào đầu phiên giao dịch vừa qua nhưng đến lúc đóng cửa đã giảm xuống mức thấp nhất trong vòng 5 tháng, nối tiếp chuỗi 4 phiên giảm liên tiếp, do triển vọng nhu cầu thiếu chắc chắn.

Giá nông sản

- Giá cà phê arabica kỳ hạn tháng 12/2019 giảm 2.3 US cent tương đương 2.4% xuống 95.25 US cent/lb, nguyên nhân do đồng real Brazil yếu đi; trong khi robusta giao tháng 11/2019 giảm 26 USD tương đương 1.9% xuống 1,325 USD/tấn. Nguồn cung cao cũng đang gây áp lực lên thị trường cà phê.
- Giá gạo xuất khẩu của Ấn Độ tuần này tăng do nhu cầu mạnh từ khách hàng nước ngoài và lo ngại sản lượng vụ Hè sẽ giảm do thiếu nước. Loại đồ 5% tấm hiện ở mức 374 – 378 USD/tấn, so với 372 – 375 USD/tấn tuần trước. Tại Thái Lan, đồng baht mạnh và nguồn cung thấp do hạn hán giữ cho giá gạo xuất khẩu duy trì cao, với loại 5% tấm giá hiện 410 – 430 USD/tấn, so với 415 – 430 USD/tấn tuần trước. Gạo Việt Nam cũng vững ở mức 335-340 USD/tấn (5% tấm), trong bối cảnh giao dịch trầm lắng.

THỎ NƯỚNG VÀ RÙA HÀM LÀ SỐ 1

Thỏ và một con rùa cãi nhau xem ai nhanh hơn. Chúng quyết định là hai con cùng chạy đua. Thỏ xuất phát nhanh như tên bắn. Sau khi thấy mình chạy khá xa Thỏ nằm xuống ngủ. Rùa từ từ vượt qua Thỏ, về đích và giành chiến thắng.

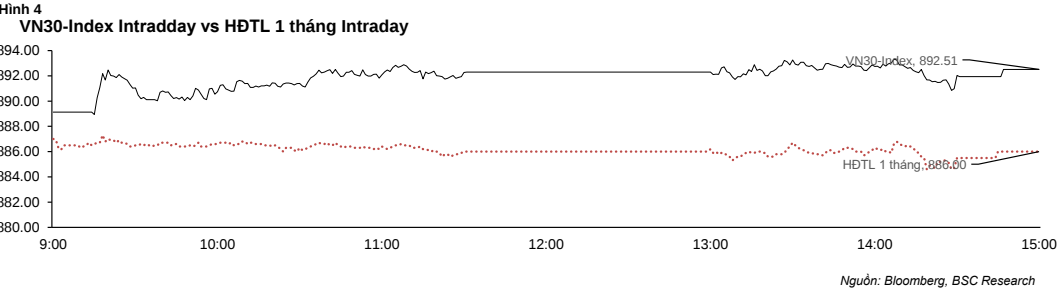
Bài học: Thói vội vàng, chỉ muốn kiếm lợi nhuận nhanh chóng trong kinh doanh chứng khoán dễ khiến con người ta thất bại chỉ trong chớp mắt. Kiên trì và ổn định mới là phương thức chạm tới chiến thắng trong một cuộc đua.

Thỏ và Rùa được cáo thách đua. Đích đến là hang cáo. Chạy đến tới mệt mỏi cả mắt, không nhấc nổi chân thì về đích. Vừa lúc đó cáo về ... Buổi tối, cáo ăn cơm với thịt thỏ nướng và rùa hầm.

Kết luận: Thỏ nướng và rùa hầm là số 1.



Thị trường hợp đồng tương lai



Bảng 4
Hợp đồng tương lai

CK	Đóng	± Ngày	Chênh lệch	%	KLGD	Ngày tới hạn	Số ngày
VN30F1909	886.00	0.16%	-6.51	-10.5%	51742	9/19/2019	19
VN30F1910	885.00	0.25%	-7.51	-4.7%	342	10/17/2019	47
VN30F1912	883.50	0.20%	-9.01	31.3%	42	12/19/2019	110
VN30F2003	885.00	0.40%	-7.51	114.3%	45	3/19/2020	201

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Nhận định:

- VN30 Index tăng 3.38 điểm lên mức 892.51 điểm. Các cổ phiếu chủ chốt như MWG, VIC, VHM, TCB, và VCB tác động mạnh đến xu hướng tăng của VN30. VN30 giằng co trên ngưỡng 890 điểm. Thanh khoản và các chỉ báo kỹ thuật vẫn cho thấy tín hiệu điều chỉnh giảm trong ngắn hạn.

- Các HDTL đều tăng theo đà tăng của chỉ số cơ sở. Xét về khối lượng giao dịch, ngoại trừ VN30F2003, các hợp đồng đều giảm. Xét về vị thế mở, ngoại trừ VN30F1909, các hợp đồng khác đều tăng. Điều này báo hiệu kỳ vọng giảm giá đang tăng dần trong trung hạn và phục hồi trong dài hạn. Nhà đầu tư nên ưu tiên những nhịp cạnh bán và mua lại với giá mục tiêu quanh ngưỡng 878 điểm cho hợp đồng ngắn hạn và ưu tiên những nhịp cạnh mua với giá mục tiêu quanh ngưỡng 895 điểm cho hợp đồng trung hạn.

Thị trường chứng quyền có bảo đảm

Mã	CTCK	Ngày đáo hạn	Thời gian còn lại	CR**	KI giao dịch	± Ngày	KLNY (cp)	Độ lệch chuẩn
CMWG1901	BSC	9/9/2019	10	4:1	77,350	-24.7%	1,000,000	19.66%
CFPT1903	SSI	12/30/2019	122	1:1	500	-93.5%	2,000,000	19.20%
CMWG1904	SSI	9/28/2019	122	1:1	11,640	61.9%	1,000,000	19.66%
CFPT1901	VND	9/11/2019	12	2:1	53,510	40.5%	2,000,000	19.20%
CFPT1902	SSI	9/30/2019	31	1:1	14,010	-53.5%	1,000,000	19.20%
CMWG1902	VND	12/11/2019	103	4:1	5,450	856.1%	2,400,000	19.66%
CMWG1903	HSC	12/30/2019	122	5:1	59,670	448.9%	2,000,000	19.66%
CHPG1902	KIS	12/11/2019	103	5:1	48,500	30.0%	3,000,000	29.62%
CHPG1905	SSI	12/30/2019	122	1:1	3,510	-62.5%	1,000,000	29.62%
CVNM1901	KIS	12/13/2019	105	10:1	160,920	8.6%	5,000,000	20.61%
CMBB1901	SSI	9/28/2019	29	1:1	82,270	-45.1%	3,000,000	20.62%
CMBB1902	HSC	12/17/2019	109	1:1	85,980	-81.5%	1,000,000	20.62%
CPNJ1901	MBS	9/10/2019	11	5:1	33,190	-69.9%	1,000,000	22.80%
CHPG1904	SSI	9/30/2019	31	1:1	15,180	178.5%	1,000,000	29.62%
CHPG1901	MBS	9/10/2019	11	2:1	206,800	-50.7%	2,000,000	29.62%
CHPG1903	VPBS	9/12/2019	13	2:1	155,300	57.3%	1,500,000	29.62%

Chú thích:

- * Giá lý thuyết được tính theo công thức Black-Scholes
- Lãi suất phi rủi ro là 4.75%
- ** Tỷ lệ chuyển đổi

Nhận định:

- Trong phiên giao dịch ngày 30/08/2019, thị trường chứng quyền có sự phân hóa về giá. Phần lớn chứng khoán cơ sở đều tăng. Khối lượng giao dịch giảm.

- CHPG1903 và CHPG1901 tiếp tục giảm mạnh lần lượt là 27.91% và 21.74%. CMWG tăng giá nhiều nhất 10.93%. Thanh khoản thị trường giảm 38.18%, CHPG1901 có khối lượng giao dịch nhiều nhất chiếm 20% thị trường.

- Ngoại trừ CMWG1901, các chứng quyền duy trì mức giá thị trường cao hơn so với mức giá lý thuyết. Nhóm chứng quyền có cổ phiếu cơ sở MWG tiếp tục là những chứng quyền tích cực nhất xét về trạng thái lãi và tỷ suất sinh lời. MWG đang tích lũy quanh vùng giá 113-117 sau khi tạo đỉnh tại ngưỡng giá 120. Thanh khoản cũng đang có xu hướng giảm báo hiệu khả năng điều chỉnh giảm trong ngắn hạn. Bên cạnh đó, các chỉ báo kỹ thuật cũng ủng hộ trạng thái này, nhiều khả năng nhóm chứng quyền của cổ phiếu này sẽ có áp lực giảm giá trong những phiên tới.

Tô Quang Vinh
vinhtq@bsc.com.vn

Bảng 2
Top tăng điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MWG	116.90	1.65	0.76
VIC	123.50	0.82	0.59
VHM	87.80	1.15	0.49
TCB	21.50	0.70	0.48
VCB	77.70	1.17	0.37

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Bảng 3
Top giảm điểm VN30

CK	Giá	± giá (%)	Index pt
MBB	23.1	-1.07	-0.44
EIB	16.9	-1.17	-0.29
VPB	20.3	-0.49	-0.24
HDB	26.0	-0.95	-0.24
CTD	94.7	-1.76	-0.10

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Giá phát hành	Giá chứng quyền	± Ngày	Giá Lý thuyết *
2,000	6,900	10.93%	7,178.71
6,000	13,120	5.04%	8,008.58
14,000	34,990	4.45%	28,345.42
1,900	4,450	3.49%	4,085.11
3,800	8,780	2.09%	7,288.79
2,990	8,850	0.80%	7,028.09
2,700	5,830	0.52%	4,689.73
1,000	490	0.00%	0.01
3,300	3,720	-0.80%	1,279.83
1,200	740	-2.63%	7.95
1,900	2,700	-3.23%	2,546.84
3,200	3,450	-4.70%	2,003.38
1,700	1,700	-12.37%	745.93
2,200	1,720	-14.00%	440.25
1,200	360	-21.74%	101.58
1,500	310	-27.91%	81.98

Mã	Giá hòa vốn	Giá thực hiện	Giá CKCS
CMWG1901	96,300	88,300	116,900
CFPT1903	56,154	45,140	53,100
CMWG1904	165,000	90,000	116,900
CFPT1901	27,000	44,154	53,100
CFPT1902	96,981	45,140	53,100
CMWG1902	48,130	90,000	116,900
CMWG1903	25,800	95,000	116,900
CHPG1902	168,888	41,999	22,200
CHPG1905	93,300	23,100	22,200
CVNM1901	46,340	158,888	123,000
CMBB1901	23,700	20,600	23,100
CMBB1902	26,300	21,800	23,100
CPNJ1901	26,300	77,981	82,200
CHPG1904	98,800	23,100	22,200
CHPG1901	47,999	22,900	22,200
CHPG1903	22,100	23,200	22,200

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Mã	Ngành	Giá đóng cửa (nghìn VND)	% Ngày	Beta	Vốn hóa (Triệu USD)	Thanh khoản (triệu USD)	EPS (VND)	P/E	P/B	NN sở hữu	ROE
MWG	Bán lẻ	116.9	1.7%	0.7	2,250	3.3	7,893	14.8	5.0	49.0%	38.6%
PNJ	Bán lẻ	82.2	0.4%	1.0	796	1.2	4,727	17.4	4.5	49.0%	27.9%
BVH	Bảo hiểm	76.0	0.0%	1.3	2,316	0.2	1,503	50.6	3.5	25.6%	6.8%
PVI	Bảo hiểm	35.0	-2.2%	0.7	352	0.6	3,061	11.4	1.2	51.3%	10.7%
VIC	Bất động sản	123.5	0.8%	1.1	17,966	1.2	1,673	73.8	5.0	15.3%	8.2%
VRE	Bất động sản	34.5	0.3%	1.1	3,488	3.5	1,033	33.4	2.8	32.3%	8.8%
NVL	Bất động sản	62.3	0.6%	0.8	2,520	1.4	3,579	17.4	2.9	7.3%	17.8%
REE	Bất động sản	36.7	0.8%	1.0	494	1.0	5,261	7.0	1.2	49.0%	18.1%
DXG	Bất động sản	15.5	0.6%	1.4	352	0.7	2,944	5.3	1.3	46.4%	27.0%
SSI	Chứng khoán	21.5	1.7%	1.3	475	0.7	1,997	10.8	1.2	57.9%	10.9%
VCI	Chứng khoán	32.8	0.0%	1.0	234	0.0	5,067	6.5	1.5	37.5%	24.7%
HCM	Chứng khoán	21.0	3.7%	1.4	278	0.8	1,434	14.6	1.5	56.0%	11.1%
FPT	Công nghệ	53.1	0.8%	0.8	1,566	1.6	4,349	12.2	2.7	49.0%	23.4%
FOX	Công nghệ	44.5	-2.2%	0.4	481	0.0	3,778	11.8	3.0	0.1%	27.7%
GAS	Dầu khí	100.6	0.1%	1.5	8,371	0.8	6,066	16.6	4.3	3.7%	26.9%
PLX	Dầu khí	61.5	0.8%	1.5	3,184	0.7	3,271	18.8	3.6	13.2%	20.2%
PVS	Dầu khí	20.8	1.5%	1.7	432	3.1	2,351	8.8	0.8	23.7%	9.8%
BSR	Dầu khí	9.5	4.4%	0.8	1,281	0.9	1,163	8.2	0.9	41.1%	11.0%
DHG	Dược	93.5	1.6%	0.5	532	0.0	4,602	20.3	4.0	54.3%	20.2%
DPM	Hóa chất	13.7	1.9%	0.7	233	0.3	853	16.1	0.7	19.5%	5.0%
DCM	Hóa chất	8.2	1.1%	0.7	189	0.1	897	9.1	0.7	2.5%	7.3%
VCB	Ngân hàng	77.7	1.2%	1.3	12,530	0.9	4,729	16.4	3.8	23.9%	25.6%
BID	Ngân hàng	38.8	2.2%	1.5	5,760	3.7	2,091	18.5	2.4	3.2%	13.7%
CTG	Ngân hàng	20.2	0.0%	1.6	3,270	1.3	1,470	13.7	1.0	30.0%	7.8%
VPB	Ngân hàng	20.3	-0.5%	1.2	2,168	1.0	2,989	6.8	1.3	23.2%	20.6%
MBB	Ngân hàng	23.1	-1.1%	1.1	2,123	4.0	3,215	7.2	1.4	20.0%	21.7%
ACB	Ngân hàng	22.2	0.5%	1.1	1,565	0.5	3,438	6.5	1.5	43.9%	26.4%
BMP	Nhựa	50.0	4.9%	0.9	178	0.3	5,017	10.0	1.7	77.0%	17.1%
NTP	Nhựa	37.9	3.3%	0.3	147	0.0	4,490	8.4	1.4	21.0%	18.0%
MSR	Tài nguyên	16.2	0.6%	1.2	633	0.0	732	22.1	1.2	2.0%	5.6%
HPG	Thép	22.2	0.2%	1.0	2,665	3.2	2,898	7.7	1.4	37.8%	19.9%
HSG	Thép	6.8	2.1%	1.5	125	0.4	425	16.0	0.5	17.6%	3.3%
VNM	Tiêu dùng	123.0	0.0%	0.7	9,313	4.3	5,465	22.5	7.6	59.0%	35.0%
SAB	Tiêu dùng	273.0	0.0%	0.8	7,612	0.3	6,735	40.5	10.0	63.4%	27.1%
MSN	Tiêu dùng	75.4	0.5%	1.2	3,832	0.6	3,304	22.8	2.8	40.4%	15.6%
SBT	Tiêu dùng	16.5	3.8%	0.5	377	0.9	542	30.5	1.5	5.9%	4.9%
ACV	Vận tải	82.5	-0.2%	0.8	7,809	0.1	2,630	31.4	5.9	3.6%	19.7%
VJC	Vận tải	132.0	0.0%	1.1	3,006	2.2	9,850	13.4	5.1	18.6%	43.3%
HVN	Vận tải	36.3	0.7%	1.7	2,235	0.5	1,747	20.7	2.8	10.0%	13.4%
GMD	Vận tải	28.6	1.4%	0.8	369	1.9	1,888	15.1	1.4	49.0%	9.4%
PVT	Vận tải	17.2	-1.1%	0.6	210	0.6	2,505	6.9	1.2	30.4%	18.2%
VCS	Vật liệu xây dựng	89.5	0.2%	0.9	610	0.9	7,667	11.7	4.6	2.2%	44.1%
VGC	Vật liệu xây dựng	18.7	-1.6%	0.9	365	0.1	1,333	14.0	1.3	13.1%	9.1%
HT1	Vật liệu xây dựng	15.3	0.3%	0.8	254	0.1	1,657	9.2	1.1	6.3%	11.7%
CTD	Xây dựng	94.7	-1.8%	0.7	314	0.1	13,465	7.0	0.9	48.9%	13.4%
VCG	Xây dựng	26.4	0.0%	1.1	507	0.3	1,307	20.2	1.8	0.0%	9.7%
CII	Xây dựng	21.1	1.4%	0.5	227	0.9	485	43.4	1.0	52.2%	2.4%
POW	Điện	12.9	0.8%	0.6	1,313	0.2	820	15.7	1.2	14.8%	7.8%
NT2	Điện	25.5	1.2%	0.6	319	0.1	2,241	11.4	1.8	21.9%	16.9%

Thống kê thị trường

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
VHM	87.80	1.15	0.99	436220.00
VIC	123.50	0.82	0.99	220710.00
VCB	77.70	1.17	0.99	280130.00
BID	38.75	2.24	0.86	2.19MLN
MWG	116.90	1.65	0.25	646070.00

Top 5 cổ phiếu tác động tăng lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
ACB	22.20	0.45	0.17	543200.00
PVS	20.80	1.46	0.08	3.39MLN
NVB	7.20	1.41	0.04	191300.00
NTP	37.90	3.27	0.03	7900.00
PHP	12.00	7.14	0.03	60600.00

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên VN-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
MBB	23.10	-1.07	-0.16	3.98MLN
HNG	17.00	-1.73	-0.10	402770.00
EIB	16.90	-1.17	-0.07	339010.00
VPB	20.30	-0.49	-0.07	1.13MLN
HDB	26.00	-0.95	-0.07	1.03MLN

Top 5 cổ phiếu tác động giảm lên HNX-Index

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
L14	70.00	-8.50	-0.08	165000.00
PVI	35.00	-2.23	-0.03	398600.00
NDN	17.90	-3.24	-0.03	839700.00
IDJ	6.60	-9.59	-0.02	603200.00
DHT	39.00	-2.26	-0.02	3100.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
TCO	9.08	6.95	0.00	20.00
DQC	19.25	6.94	0.01	358470.00
AGM	10.05	6.91	0.00	181310.00
DTA	5.93	6.85	0.00	3340.00
SBV	8.33	6.79	0.00	1170.00

Top 5 cổ phiếu tăng mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
NHP	0.60	20.0	0.00	347300.00
HKB	0.70	16.7	0.01	25000.00
CPC	28.60	10.0	0.01	4000.00
SCL	4.40	10.0	0.00	100.00
SD6	3.30	10.0	0.00	10100.00

Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HSX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
RIC	6.51	-7.00	0.00	30.00
DPG	44.75	-6.96	-0.05	1.03MLN
TPC	9.63	-6.96	-0.01	5390.00
HRC	38.80	-6.95	-0.03	1800.00
TCD	12.05	-6.95	-0.01	13150.00

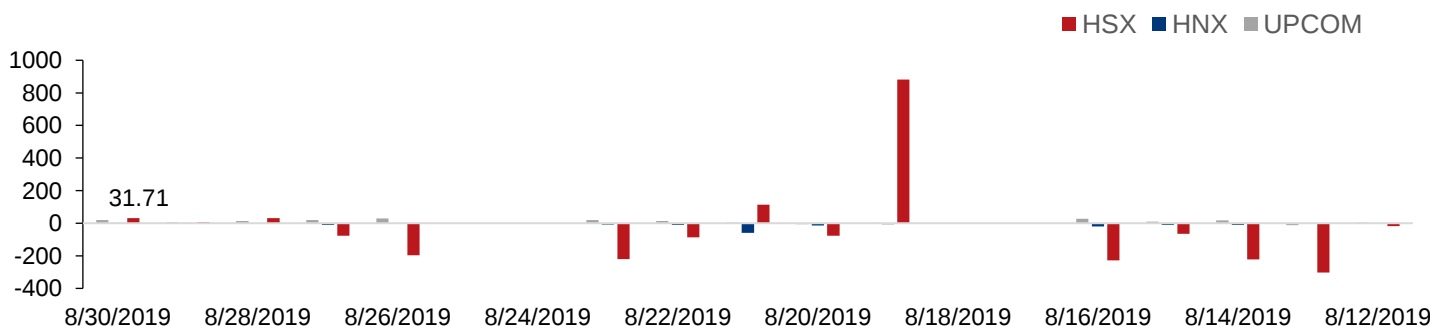
Top 5 cổ phiếu giảm mạnh nhất trên HNX

CK	Giá	%	Index pt	KLGD
SGH	47.70	-10.00	-0.01	100.00
VGP	16.80	-9.68	-0.01	400.00
IDJ	6.60	-9.59	-0.02	603200.00
CVN	10.80	-9.24	-0.01	4500.00
HNH	5.90	-9.23	-0.01	121900.00

Nguồn: Bloomberg, BSC Research

Hình 3

Giao dịch khối ngoại



Nguồn: HSX, HNX, BSC Research

Danh sách các báo cáo đặc biệt BSC đã phát hành gần đây

STT	Tên báo cáo	Loại báo cáo	Mã cổ phiếu liên quan	Link tải báo cáo
1	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2019	Phân tích ngành		Click
2	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 07.2019_Không nhiều	Phân tích vĩ mô		Click
3	Vĩ Mô & Thị Trường Quý II_Phân hóa và biến động	Phân tích vĩ mô		Click
4	Vĩ Mô & Thị Trường Tháng 05.2019_Kiểm tra và hồi ph	Phân tích vĩ mô		Click
5	Báo cáo Đánh giá ảnh hưởng của EVFTA	Phân tích ngành		Click
6	2019M2_Biến động giảm co chờ thông tin hỗ trợ	Phân tích vĩ mô		Click
7	2019M1_Tăng điểm từ vùng giá thấp	Phân tích vĩ mô		Click
8	BSC_Vietnam Marco Market Outlook_VN_2019	Phân tích vĩ mô		Click
9	Vĩ mô_Vietnam Sector Outlook_2019_VN	Phân tích ngành		Click
10	BSC_Vietnam Sector Review_2018_VN	Phân tích ngành		Click
11	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_4Q2018	Phân tích ngành		Click
12	VM_M11_Giao dịch giảm co, toan tính cho 2019	Phân tích vĩ mô		Click
13	Vĩ mô 2018M10_Xây nền cơ bản, cơ hội phục hồi	Phân tích vĩ mô		Click
14	Vĩ mô_ Quý 3/2018_Mùa công bố KQKD quý III	Phân tích vĩ mô		Click
15	BSC_Việt Nam TTCK Mới nổi FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
16	Vĩ mô_ Tháng 08_Kỳ vọng nâng hạng từ FTSE	Phân tích vĩ mô		Click
17	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_3Q2018	Phân tích ngành		Click
18	BSC_Vietnam Sector Outlook_VN_2Q2018	Phân tích ngành		Click
19	Vĩ mô_ Tháng 07_Phân hóa sau mùa KQKD quý II	Phân tích vĩ mô		Click
20	Vĩ mô 2018M6_Ấn số từ các yếu tố bên ngoài	Phân tích vĩ mô		Click

Danh sách các cổ phiếu BSC đã khuyến nghị gần đây

STT	Mã	Ngành	Khuyến nghị	Ngày ra báo cáo	Giá ngày ra báo cáo	Giá mục tiêu	Giá hiện tại	EPS	P/E	P/B	Link tải báo cáo
1	PAC	Hóa chất	Theo dõi	22/08/2018	30.1	28.5	28.0	3,705	7.6	2.0	Click
2	FPT	CNTT	Mua mạnh	22/08/2019	54.0	75.3	53.1	4,349	12.2	2.7	Click
3	GVR	Cao su	Mua	21/08/2019	16.5	19.2	15.0	649	23.1	1.3	Click
4	MWG	Bán lẻ	Mua	20/08/2019	117.9	171.4	116.9	7,893	14.8	5.0	Click
5	PNJ	Bán lẻ	Mua	9/8/2019	84.8	97.2	82.2	4,727	17.4	4.5	Click
6	VEA	Máy công nghiệp	Theo dõi	1/7/2019	58.0	61.4	55.2	5,276	10.5	3.0	Click
7	VSC	Cảng biển	Theo dõi	24/06/2019	31.8	34.6	29.7	4,234	7.0	1.0	Click
8	ACB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	28.6	32.7	22.2	3,438	6.5	1.5	Click
9	VIB	Ngân hàng	Mua	24/06/2019	16.6	21.6	17.5	3,181	5.5	1.5	Click
10	HSG	Thép	Theo dõi	24/06/2019	7.7	9.0	6.8	425	16.0	0.5	Click
11	FRT	Bán lẻ	Theo dõi	20/06/2019	56.0	N/a	44.0	4,314	10.2	3.0	Click
12	MSN	Thực phẩm	Theo dõi	20/06/2019	82.8	89.8	75.4	3,304	22.8	2.8	Click
13	SCS	Hàng không	Theo dõi	11/6/2019	159.9	167.0	157.5	7,716	20.4	10.6	Click
14	GMD	Cảng biển	Theo dõi	11/6/2019	26.3	28.9	28.6	1,888	15.1	1.4	Click
15	MWG	Bán lẻ	Mua	10/6/2019	88.3	132.1	116.9	7,893	14.8	5.0	Click
16	NLG	Bất động sản	Mua	24/05/2019	31.2	40.5	30.2	3,760	8.0	1.6	Click
17	BCC	Xi măng	Mua	17/05/2019	8.7	11.2	7.8	1,433	5.4	0.4	Click
18	VHC	Thủy sản	Mua	16/05/2019	92.8	108.5	80.2	18,865	4.3	1.6	Click
19	DRC	Cao su	Theo dõi	15/05/2019	22.4	25.1	22.4	1,295	17.3	1.7	Click
20	TNG	Dệt may	Theo dõi	8/5/2019	20.8	21.0	18.2	3,437	5.3	1.3	Click



TRỢ LÝ THÔNG MINH iBROKER

Nhanh chóng, chính xác, chuyên sâu

BSC ibroker là dịch vụ 24/7 cung cấp cho khách hàng để hỗ trợ tra cứu thông tin, phân tích dữ liệu thị trường, dữ liệu cổ phiếu và đưa ra các tư vấn khuyến nghị đầu tư. BSC iBroker không thay thế khách hàng trong việc ra quyết định giao dịch; khách hàng nên xem xét BSC iBroker như một nguồn thông tin tham khảo.



Trợ lý phân tích định lượng (kim): gồm các chức năng tư vấn cổ phiếu dựa trên phân tích dữ liệu giá và khối lượng giao dịch, tư vấn tín hiệu mua/bán cổ phiếu trong phiên; tra cứu biến động dòng tiền theo các nhóm ngành thị trường; tra cứu tin tức báo chí,...



Trợ lý phân tích cơ bản (mộc): có chức năng phân tích các chỉ tiêu tài chính cơ bản của từng mã cổ phiếu ở kỳ hiện tại, so sánh với chỉ tiêu tài chính trung bình ngành và trung bình toàn thị trường.



Trợ lý báo cáo phân tích (thủy): Có chức năng tra cứu danh sách và nội dung các báo cáo cập nhật doanh nghiệp, phân tích ngành và doanh nghiệp của các chuyên viên phân tích BSC.



Trợ lý phái sinh (hỏa): cung cấp các chức năng sau: lịch phái sinh; thông tin công bố; tư vấn tham khảo thông tin giao dịch và tư vấn chiến lược giao dịch các hợp VN30F1m, VN30F2M, VN30F1Q, VN30F2Q; Xây dựng chiến lược giao dịch Alpha nghiên cứu các tác động làm thay đổi xu hướng vận động của các HĐTL theo phiên.

Sử dụng iBroker tại đây
Bản công bố rủi ro

[Link](#)
[Link](#)

Hướng dẫn sử dụng
Video hướng dẫn sử dụng

[Link](#)
[Link](#)

Báo cáo cập nhật trên iBroker trong ngày

Mã gõ báo cáo	Ngày	Nội dung tóm tắt
Express SAB 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu ; Giá tại Publish 277000 SAB hiện đang giao dịch ở mức 277,000 VND/CP với PE TTM là 44x và PB TTM là 10x , chúng tôi cho rằng giá hiện tại của SAB đang cao hơn mức PE và PB trung vị ngành trong khu vực lần lượt là 25.1x và 1.9x vì thế chúng tôi khuyến nghị cần thận trọng khi đầu tư cổ phiếu SAB. Ban Lãnh Đạo mới của SAB hiện đang tái cấu trúc toàn bộ bộ máy của công ty nên kì vọng SAB sẽ cải thiện lên trong 219-2020. Tuy nhiên, rủi ro có thể đến từ sự cạnh tranh khốc liệt với các đối thủ ngoại như Heineken ở khu vực thành thị. PE của SAB đang 44x khá cao so với mức trung vị của ngành trong khu vực là 25.1x.
Express GMD 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị MUA ; Giá mục tiêu 33350 ; Giá tại Publish 27000 BSC dự báo DT và LNST đạt lần lượt 3,016.5 tỷ đồng (+11.4% yoy) và 694.9 tỷ đồng (+15% yoy, đã loại trừ LNBT 2018), tương đương EPS FW là 1,972 VND/CP (đã loại trừ QKTP). Cảng Nam Đình Vũ giai đoạn 1 khả năng vượt kế hoạch từ 382-400 ngàn TEUs khi có thêm 2 tàu hàng mới vào tháng 8-10/2019. Ngoài ra, giai đoạn 2 của cảng Nam Đình Vũ sẽ triển khai vào 2H2019. Dự án Gemalink sẽ hoàn thành vào Q2-Q3/2020 giúp tăng công suất ở khu vực Cái Mép Thị Vải.
Express VNM 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 138500 ; Giá tại Publish 120600 BSC dự báo VNM DTT và LNST 2019F đạt lần lượt 56,398 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 11,165 tỷ đồng (+9% yoy), tương đương EPS fw 2019F là 5,792 đồng/cp , PE FW là 21x và PB fw là 6.9x. SCIC thoái vốn khỏi VNM trong 2020. VNM ra mắt nhiều sản phẩm mới đáp ứng được thị hiếu người tiêu dùng qua đó giúp tăng trưởng doanh thu. Tăng trưởng thị phần nội địa nhờ mở rộng điểm bán tăng độ bao phủ, chiến dịch marketing và khuyến mãi tốt giúp tăng nhận diện thương hiệu. Tuy nhiên, sữa nội địa bị cạnh tranh nhiều nếu các hãng sữa nước ngoại vào Việt Nam thông qua các hiệp định thương mại EVFTA.
Express MSN 2019Q3	16/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá mục tiêu 82300 ; Giá tại Publish 75000 BSC dự báo KQKD MSN Doanh thu và LNST 2019F lần lượt đạt 42,215 tỷ đồng (+7.2% yoy) và 5,239 tỷ đồng (-6.8% yoy), nếu trừ đi lợi nhuận bất thường 2018 thì LNST 2019 tăng 22%, EPS FW 2019F đạt 4,302 VND/CP, PE FW = 17.4x và PB FW = 2.4x. Giá thịt heo phục hồi trở lại sau đợt dịch AFS trong 2H2019. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng ngành hàng tiêu dùng của Masan Consumer đang chậm hơn kỳ vọng. Thức ăn chăn nuôi dành cho heo tiếp tục giảm trong 6M2019 do ảnh hưởng của dịch AFS. Giá vonfram duy trì ở mức thấp khoảng 250-260 USD/MTU ảnh hưởng tới KQKD mảng Masan Resources.
Express HAH 2019Q3	22/8/2019	Khuyến nghị THEO DÕI ; Giá tại Publish 15050 Chúng tôi đánh giá HAH tăng trưởng chủ yếu nhờ vào mảng vận tải biển khi các hoạt động giao thương của Việt Nam và Trung Quốc đang tăng lên và đồng thời HAH cũng đang mua thêm tàu mới nhằm mở rộng hoạt động kinh doanh. Giá cước vận tải biển ở Việt Nam sẽ tốt hơn khi quy ước IMO có hiệu lực. HAH đầu tư mở rộng đội tàu vận chuyển container giúp trẻ hóa đội tàu và đáp ứng được nhu cầu vận chuyển hàng hóa bằng đường biển ngày càng tăng. Tuy nhiên, tăng trưởng của mảng cảng Hải An sẽ không còn nhiều khi sản lượng container thông cảng đã đạt 100% công suất là 300,000 TEUs/năm và việc hoàn thành cầu Bạch Đằng làm khó khăn cho hãng tàu mới vào.

Khuyến cáo sử dụng

Bản báo cáo này của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC), chỉ cung cấp những thông tin chung và phân tích về tình hình kinh tế vĩ mô cũng như diễn biến thị trường chứng khoán trong ngày. Báo cáo này không được xây dựng để cung cấp theo yêu cầu của bất kỳ tổ chức hay cá nhân riêng lẻ nào hoặc các quyết định mua bán, nắm giữ chứng khoán. Nhà đầu tư chỉ nên sử dụng các thông tin, phân tích, bình luận của Bản báo cáo như là nguồn tham khảo trước khi đưa ra những quyết định đầu tư cho riêng mình. Mọi thông tin, nhận định và dự báo và quan điểm trong báo cáo này được dựa trên những nguồn dữ liệu đáng tin cậy. Tuy nhiên Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng đầu tư và phát triển Việt Nam (BSC) không đảm bảo rằng các nguồn thông tin này là hoàn toàn chính xác và không chịu bất kỳ một trách nhiệm nào đối với tính chính xác của những thông tin được đề cập đến trong báo cáo này, cũng như không chịu trách nhiệm về những thiệt hại đối với việc sử dụng toàn bộ hay một phần nội dung của bản báo cáo này. Mọi quan điểm cũng như nhận định được đề cập trong báo cáo này dựa trên sự cân nhắc cẩn trọng, công minh và hợp lý nhất trong hiện tại. Tuy nhiên những quan điểm, nhận định này có thể thay đổi mà không cần báo trước. Bản báo cáo này có bản quyền và là tài sản của Công ty Cổ phần Chứng khoán Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam (BSC). Mọi hành vi sao chép, sửa đổi, in ấn mà không có sự đồng ý của BSC đều trái luật. Bất kỳ nội dung nào của tài liệu này cũng không được (i) sao chụp hay nhân bản ở bất kỳ hình thức hay phương thức nào hoặc (ii) được cung cấp nếu không được sự chấp thuận của Công ty Cổ phần Chứng khoán BIDV.

BSC Trụ sở chính

Tầng 10 & 11 Tháp BIDV

35 Hàng Vôi, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Tel: +84 4 3935 2722

Fax: +84 4 2220 0669

BSC Chi nhánh Hồ Chí Minh

Tầng 9 Tòa nhà 146 Nguyễn Công Trứ

Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Tel: +84 8 3821 8885

Fax: +84 8 3821 8510

<http://www.bsc.com.vn>

Bloomberg: RESP BSCV <GO>

